

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **51** /2014/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **25** tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định, điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN	
C.V	Số : .....
ĐẾN	Ngày : <b>28/7/2014</b>
	Chuyên : .....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về phát triển chợ;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11/07/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí trên địa bàn tỉnh Thái nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định, điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Quy định, điều chỉnh mức thu tối đa các loại phí sau:

a) Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục số 01 kèm theo*).

Riêng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh: Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xác định giá dịch vụ trên cơ sở đảm bảo tính đủ để bù đắp các chi phí.

b) Phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục số 02 kèm theo*);

c) Phí chợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục số 03 kèm theo*).

2. Quy định bổ sung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

a) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt nơi đã có hệ thống cấp nước sạch là 5% (năm phần trăm) trên giá bán của  $1m^3$  (một mét khối) nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;

b) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng được xác định theo từng người sử dụng nước thải ra môi trường là 1.000 đồng/người/tháng;

c) Đối với các đối tượng khai thác nước để sử dụng vào mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa quy định tại Nghị quyết này. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng khảo sát, tổng hợp báo cáo.

3. Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu

a) *Đối với phí vệ sinh, phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô, phí chợ*

Khoản tiền thu được từ việc thu phí của các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu phí là khoản phí không thuộc ngân sách nhà nước. Số phí này là doanh thu của đơn vị, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo Luật Quản lý thuế hiện hành.

b) *Quy định tỷ lệ để lại cho đơn vị được ủy quyền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt*

Đối với đơn vị cung cấp nước sạch được ủy quyền thu phí được trích lại 10% (mười phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được ủy quyền thu phí được trích lại 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2011/NQ-HĐND ngày 20/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2 về quy định, điều chỉnh mức thu một số loại phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; thay thế Khoản c, Điều 1, Nghị Quyết số 24/2008/NQ-HĐND ngày 09/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 11 về việc quy định điều chỉnh, bổ sung một số loại phí, lệ phí và bãi bỏ khoản thu trong các trường học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; thay thế mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt quy định tại Nghị quyết số 09/2004/NQ-HĐND ngày 06/08/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 2 về thu 11 loại phí thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu của từng loại phí phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên khoá XII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Đề kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban chỉ đạo GPMB tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh (Đề đăng);
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Hồng Bắc**

J  
A  
V



**Phụ lục số 01**  
**ĐIỀU CHỈNH MỨC THU TỐI ĐA PHÍ VỆ SINH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 54/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Đồng

T T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Đã có thuế GTGT)
1	- Cá nhân cư trú	Người/thán g	8.000
	- Hộ gia đình không kết hợp kinh doanh có 02 nhân khẩu	Hộ/tháng	16.000
	- Hộ gia đình không kết hợp kinh doanh có 03 nhân khẩu	Hộ/tháng	23.000
	- Hộ gia đình không kết hợp kinh doanh có 04 nhân khẩu trở lên	Hộ/tháng	30.000
2	Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội		
	- Lượng rác thải $\leq 1m^3$ /tháng	Đồng/tháng	200.000
	- Lượng rác thải $> 1m^3$ /tháng (Thực hiện theo hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải).	Đồng/ $m^3$	250.000
3	Rác thải thông thường tại các trạm y tế xã phường	Trạm/tháng	80.000
4	Các hộ kinh doanh cố định ở chợ (Đối với chợ không có ban quản lý) (Có khối lượng rác thải nhỏ hơn $1m^3$ /tháng)	Hộ/tháng	50.000
5	Hộ kinh doanh buôn bán dịch vụ nhỏ có mức thu nhập thấp (Có khối lượng rác thải nhỏ hơn $1m^3$ /tháng)	Hộ/tháng	50.000
6	- Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên; các trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; rác thải thông thường tại Bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở y tế tư nhân (Thực hiện theo hợp đồng thực tế).		
	- Khối lượng rác thải nhỏ hơn hoặc bằng $01m^3$ /tháng)	Điểm kinh doanh (hoặc đơn vị)/tháng	200.000
	- Khối lượng rác thải lớn hơn $01m^3$ /tháng (Thực hiện theo hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải).	Đồng/ $m^3$	250.000

**Ghi chú:** Hộ buôn bán nhỏ có thu nhập thấp, là hộ có mức thu nhập 1 tháng bằng mức lương tối thiểu của lĩnh vực sản xuất kinh doanh./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Phụ lục số 02

**ĐIỀU CHỈNH MỨC THU TỐI ĐA PHÍ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY,  
XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 51 /2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Đã có thuế GTGT)
<b>I</b>	<b>Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban ngày (Từ 6 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút)</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	20.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	20.000
<b>II</b>	<b>Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban đêm (Từ 18 giờ 00 phút hôm trước đến 6 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau)</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	4.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	8.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	40.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	40.000
<b>III</b>	<b>Phí trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo tháng (Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mức thu bằng 50% mức thu quy định này)</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	100.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/tháng	200.000
3	Xe ô tô	Đồng/xe/tháng	1.000.000

**Ghi chú:**

- Mức thu trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên áp dụng cho các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng do Nhà nước đầu tư và các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư.

- Đối với điểm, bãi trông giữ xe ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường, có nhu cầu gửi xe ô tô nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn hơn những nơi khác, mức thu trông giữ xe ô tô bằng 2 lần mức thu tương ứng tại quy định trên./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**



**Phụ lục số 03**

**ĐIỀU CHỈNH MỨC THU TỐI ĐA PHÍ CHỢ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 51/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Đã có thuế GTGT)		
			Chợ loại I	Chợ loại II	Chợ loại III
<b>I</b>	<b>Phí sử dụng diện tích bán hàng tại chợ do nhà nước xây dựng</b>				
1	Vị trí 1	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	150.000	90.000	35.000
2	Vị trí 2	“	120.000	60.000	30.000
3	Vị trí 3	“	90.000	45.000	20.000
4	Vị trí 4	“	60.000	30.000	15.000
<b>II</b>	<b>Phí sử dụng diện tích bán hàng do người bán hàng tự làm: Giảm 30% so với từng mức quy định cho từng vị trí do nhà nước xây dựng</b>				
<b>III</b>	<b>Phí cầu quán bán hàng do nhà nước xây dựng</b>				
1	Vị trí 1	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	120.000	60.000	30.000
2	Vị trí 2	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	65.000	45.000	20.000
3	Vị trí 3	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	45.000	30.000	15.000
<b>IV</b>	<b>Phí chợ tính theo ngày cho các hộ kinh doanh không ổn định</b>				
1	Hoa, quả, rau xanh các loại (lướt vào chợ)	Đồng/lướt	4.000	3.000	2.000
2	Gia súc các loại (con vào chợ)	Đồng/con	3.000	1.000	1.000
3	Gia cầm các loại (con vào chợ)	Đồng/con	500	500	500
4	Bán buôn thường xuyên khác	đồng /lướt	3.000	2.000	2.000
<b>V</b>	<b>Phí các loại phương tiện vào chợ để mua bán vận chuyển hàng hoá</b>				
1	Xe đạp, xe đạp điện	đồng /lướt/xe	2.000	2.000	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	đồng/xe/lướt	4.000	4.000	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, và các loại xe trở hàng hóa dưới 2 tấn	đồng/xe/lướt	20.000	20.000	20.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi và các loại xe trở hàng hóa trên 2 tấn	đồng/xe/lướt ban ngày	20.000	20.000	20.000
		đồng/xe/lướt buổi tối	40.000	40.000	40.000
5	Xe thô sơ các loại	đồng/xe/lướt	3.000	2.000	2.000
<b>VI</b>	<b>Diện tích bán hàng do doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư cho thuê nhằm mục đích kinh doanh thu hồi vốn, mức thu tối đa không vượt quá 02 lần so với biểu phí sử dụng diện tích bán hàng tại chợ do Nhà nước xây dựng.</b>				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

